

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng
vùng huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum đến năm 2045**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1756/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1128/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng khu du lịch Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum đến năm 2045;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Kon Plông tại Tờ trình số 166/TTr-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2024 và Công văn số 1997/UBND-KTHT ngày 22 tháng 10 năm 2024 về phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum đến năm 2045; ý kiến của Sở Xây dựng tại Báo cáo số 131/BC-SXD ngày 12 tháng 8 năm 2024 và Công văn số 1860/SXD-QHHT ngày 25 tháng 10 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum đến năm 2045 với các nội dung chủ yếu như sau⁽¹⁾:

1. Tên nhiệm vụ, tỷ lệ quy hoạch

a) Tên nhiệm vụ: Quy hoạch xây dựng vùng huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum đến năm 2045.

b) Tỷ lệ quy hoạch: 1/25.000.

2. Phạm vi ranh giới, quy mô, thời hạn quy hoạch

a) Phạm vi, ranh giới: Bao gồm toàn bộ địa giới hành chính huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum. Ranh giới: phía Bắc giáp huyện Sơn Tây, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi và huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam; phía Nam giáp huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum và huyện Kbang, tỉnh Gia Lai; phía Đông giáp huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi; phía Tây giáp huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum.

b) Quy mô quy hoạch: Khoảng 137.125 ha (bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên của huyện Kon Plông), trong đó:

- Phạm vi nghiên cứu thiết kế quy hoạch gồm các xã: Đắk Ring, Đắk Nê, Ngọc Tem với diện tích khoảng 46.972 ha;

- Phần diện tích còn lại 90.153 ha (gồm thị trấn Măng Đen và 05 xã: Măng Bút, Măng Cành, Đắk Tăng, Hiếu Pờ Ê) cập nhập nội dung Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt để thể hiện nội dung quy hoạch theo yêu cầu của quy hoạch xây dựng vùng huyện theo quy định.

c) Dân số hiện trạng toàn huyện năm 2023 (chưa bao gồm dân số tạm trú và các thành phần dân số khác) khoảng 29.509 người. Trong đó, dân số đô thị là 5.629 người, dân số nông thôn là 23.880 người.

d) Thời hạn quy hoạch: Đến năm 2045.

3. Quan điểm, mục tiêu quy hoạch

⁽¹⁾ Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất tại cuộc họp ngày 30 tháng 10 năm 2024.

a) Quan điểm lập quy hoạch

- Tuân thủ các định hướng của Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch Măng Đen đến năm 2045 và các quy hoạch chuyên ngành khác có liên quan.

- Phát huy thế mạnh của huyện, tổ chức, quản lý, khai thác không gian đô thị - nông thôn, không gian phát triển công nghiệp, thương mại - dịch vụ - du lịch, sản xuất nông nghiệp,... gắn với việc gìn giữ và phát huy các giá trị lịch sử, văn hóa đảm bảo phát triển bền vững, lâu dài.

- Phát triển huyện Kon Plông trên quan điểm mở và hội nhập, có cơ chế, chính sách hợp lý, tạo điều kiện tốt cho hội nhập kinh tế quốc tế. Khai thác và phát huy có hiệu quả tiềm năng, lợi thế của địa phương nhằm thu hút các nguồn lực của các thành phần kinh tế, bao gồm nguồn lực trong và ngoài nước.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm thúc đẩy kinh tế phát triển bền vững. Thúc đẩy mạnh mẽ khoa học - kỹ thuật, công nghệ, đổi mới sáng tạo nhằm tận dụng tốt mọi cơ hội phát triển, nhất là cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Phát triển mạnh về du lịch, dịch vụ, nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến, năng lượng tái tạo.

- Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, truyền thống tốt đẹp của các dân tộc trên địa bàn huyện. Tăng cường công tác quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, chủ động phòng chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường.

- Thực hiện tốt các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện. Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân.

- Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị nhằm giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện. Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân vững chắc.

b) Mục tiêu

- Cụ thể hóa mục tiêu Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; cụ thể hóa định hướng phát triển của huyện theo Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh Kon Tum và Nghị quyết đại hội Đảng bộ huyện Kon Plông. Đề ra những dự báo và định hướng chiến lược nhằm phát huy tốt tiềm năng, thế mạnh và những đặc thù của huyện.

- Khai thác có hiệu quả mối quan hệ vùng, các thế mạnh về nông nghiệp - dịch vụ - du lịch, đảm bảo phát triển hài hòa và bền vững giữa đô thị và nông thôn.

- Đề xuất giải pháp quy hoạch các xã đảm bảo đồng bộ với Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch Măng Đen.

- Tạo lập cơ sở pháp lý cho các công tác quy hoạch xây dựng, phát triển đô thị và nông thôn trên địa bàn huyện. Xây dựng các chương trình kế hoạch và đề xuất các chính sách phát triển, các dự án đầu tư, sử dụng hợp lý các nguồn lực.

4. Tính chất, chức năng vùng

- Là một trong hai vùng kinh tế động lực của tỉnh Kon Tum đến năm 2030; đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh Kon Tum.

- Là một trong những trọng điểm du lịch của tỉnh và vùng Tây Nguyên.

- Là vùng kinh tế xanh, trong đó tập trung phát triển các lĩnh vực: Nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn, ứng dụng công nghệ cao; kinh tế lâm nghiệp gắn với bảo vệ môi trường sinh thái rừng; du lịch sinh thái, văn hóa và nghỉ dưỡng; đô thị sinh thái, nông nghiệp; năng lượng tái tạo...

5. Các dự báo phát triển và các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cơ bản của đồ án

a) Dự báo quy mô dân số (*bao gồm cả dân số quy đổi*)

- Đến năm 2030 khoảng 90.100 người.

- Đến năm 2035 khoảng 113.300 người.

- Đến năm 2045 khoảng 194.000 người.

b) Tỷ lệ đô thị hóa

- Tỷ lệ đô thị hóa đến 2030 khoảng 66,93% (*quy mô dân số đô thị khoảng 60.300 người*).

- Tỷ lệ đô thị hóa giai đoạn 2030-2035 khoảng 69,29% (*quy mô dân số đô thị khoảng 78.500 người*).

- Tỷ lệ đô thị hóa giai đoạn 2035-2045 khoảng 84,85% (*quy mô dân số đô thị khoảng 164.600 người*).

c) Quy mô đất đai: Diện tích tự nhiên của huyện khoảng 137.125 ha.

- Đến năm 2030, diện tích đất phi nông nghiệp 7.066 ha, đất nông nghiệp 129.813 ha. Đất xây dựng đô thị và các chức năng khoảng 6.300 ha.

- Đến năm 2035, diện tích đất phi nông nghiệp 9.716 ha, đất nông nghiệp 127.408 ha. Đất xây dựng đô thị và các chức năng khoảng 8.200 ha.

- Đến năm 2045, diện tích đất phi nông nghiệp 13.037 ha, đất nông nghiệp 124.087 ha. Đất xây dựng đô thị và các chức năng khoảng 10.700 ha.

d) Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cơ bản của đồ án

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Đến năm 2030	Đến năm 2035	Đến năm 2045
1	Dân số toàn huyện	1.000 người	90,1	113,3	194,0

<i>TT</i>	<i>Hạng mục</i>	<i>Đơn vị tính</i>	<i>Đến năm 2030</i>	<i>Đến năm 2035</i>	<i>Đến năm 2045</i>
	<i>Tỷ lệ tăng dân số trung bình/năm</i>	<i>%</i>	<i>1,61</i>	<i>1,61</i>	<i>1,61</i>
2	Tỷ lệ đô thị hóa	%	66,93	69,29	84,85
3	Đất dân dụng đô thị	m ² /người	70 - 100	70 - 100	70 - 100
4	Đất ở				
-	<i>Khu vực đô thị</i>	<i>m²/người</i>	<i>≤ 55</i>	<i>≤ 55</i>	<i>≤ 55</i>
-	<i>Điểm dân cư nông thôn</i>	<i>m²/người</i>	<i>≥ 25</i>	<i>≥ 25</i>	<i>≥ 25</i>
5	Chỉ tiêu cấp điện				
5.1	<i>Cấp điện sinh hoạt</i>	<i>Qsh</i>			
-	<i>Khu vực đô thị</i>	<i>W/người</i>	<i>≥ 300</i>	<i>≥ 300</i>	<i>≥ 500</i>
-	<i>Điểm dân cư nông thôn</i>	<i>W/người</i>	<i>≥ 150</i>	<i>≥ 150</i>	<i>≥ 200</i>
5.2	<i>Công nghiệp</i>	<i>kw/ha</i>	<i>≥ 100</i>	<i>≥ 100</i>	<i>≥ 100</i>
5.3	<i>Công cộng - dịch vụ</i>				
-	<i>Khu vực đô thị</i>	<i>% Qsh</i>	<i>≥ 30</i>	<i>≥ 30</i>	<i>≥ 35</i>
-	<i>Điểm dân cư nông thôn</i>	<i>% Qsh</i>	<i>≥ 15</i>	<i>≥ 15</i>	<i>≥ 15</i>
6	Chỉ tiêu cấp nước				
6.1	<i>Sinh hoạt</i>	<i>Qsh</i>			
-	<i>Khu vực đô thị</i>	<i>lít/người/ngày đêm</i>	<i>120</i>	<i>120</i>	<i>150</i>
-	<i>Điểm dân cư nông thôn</i>	<i>lít/người/ngày đêm</i>	<i>100</i>	<i>100</i>	<i>120</i>
6.2	<i>Công nghiệp</i>	<i>m³/ha/ngày đêm</i>	<i>30</i>	<i>30</i>	<i>50</i>
6.3	<i>Công cộng</i>	<i>% Qsh</i>	<i>15</i>	<i>15</i>	<i>15</i>
7	Thu gom nước thải				
7.1	<i>Thu gom nước thải sinh hoạt</i>				
-	<i>Khu vực đô thị</i>	<i>% Qsh</i>	<i>90</i>	<i>90</i>	<i>90</i>
-	<i>Điểm dân cư nông thôn</i>	<i>% Qsh</i>	<i>80</i>	<i>80</i>	<i>80</i>
7.2	<i>Thu gom nước thải công nghiệp</i>	<i>% Qcn</i>	<i>100</i>	<i>100</i>	<i>100</i>
8	Cây xanh	m ² /người			
-	<i>Khu vực đô thị</i>	<i>m²/người</i>	<i>4 - 5</i>	<i>4 - 5</i>	<i>4 - 5</i>
-	<i>Điểm dân cư nông thôn</i>	<i>m²/người</i>	<i>≥ 2</i>	<i>≥ 2</i>	<i>≥ 2</i>

Các chỉ tiêu về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật áp dụng theo chỉ tiêu của đô thị loại IV (*giai đoạn đến năm 2030*), loại III (*giai đoạn đến năm 2045*) đối với thị trấn Măng Đen; đô thị loại V đối với đô thị Hiếu, Măng Cành và Măng Bút theo Quyết định số 1128/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng khu du lịch Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum đến năm 2045. Các xã còn lại áp dụng theo chỉ tiêu của khu vực nông thôn.

(Chỉ tiêu sử dụng đất đô thị được áp dụng các yếu tố đặc thù của đô thị miền núi. Quy mô dân số và đất đai dự báo là sơ bộ, sẽ được cụ thể ở giai đoạn lập đồ án quy hoạch, đảm bảo đồng bộ với Quy hoạch tỉnh Kon Tum)

6. Các nội dung lập quy hoạch xây dựng vùng huyện: Thực hiện theo Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum đến năm 2045 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, chỉ nghiên cứu lập quy hoạch xây dựng vùng huyện cho 3 xã (Đăk Rìng, Đăk Nén, Ngọc Tem) đáp ứng nội dung đồ án theo quy định tại Điều 23 Luật Xây dựng năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật, nội dung cần lưu ý trong quá trình thực hiện:

a) Lý do và sự cần thiết lập quy hoạch huyện; các căn cứ lập quy hoạch; vị trí, quy mô, phạm vi lập quy hoạch; quan điểm và mục tiêu phát triển của vùng.

b) Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, hiện trạng kinh tế - xã hội, hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn, sử dụng đất đai, hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, môi trường và những yếu tố mang tính đặc thù của vùng.

c) Đánh giá, rà soát việc thực hiện các quy hoạch đang có hiệu lực.

d) Xác định mục tiêu phát triển, tốc độ đô thị hóa, tính chất, tiềm năng và động lực phát triển vùng.

đ) Dự báo phát triển kinh tế, dân số, lao động, nhu cầu về đất đai, tỷ lệ đô thị hóa theo các giai đoạn phát triển 10 năm, 20 năm; xác định các chỉ tiêu kỹ thuật theo mục tiêu phát triển.

e) Định hướng phát triển không gian vùng huyện

- Đề xuất, lựa chọn mô hình phát triển không gian vùng;

- Xác định các phân vùng để kiểm soát quản lý phát triển;

- Phân bố và xác định quy mô các không gian phát triển: công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, du lịch, thương mại dịch vụ, bảo tồn; xác định quy mô, tính chất các khu chức năng;

- Xác định mô hình phát triển, cấu trúc hệ thống đô thị và khu vực nông thôn phù hợp với đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội; phân cấp, phân loại đô thị theo không gian lãnh thổ và quản lý hành chính; xác định quy mô dân số, đất xây dựng đô thị;

- Phân bố và xác định quy mô các hệ thống công trình hạ tầng xã hội gồm: Trung tâm giáo dục, đào tạo, văn hóa, y tế, thể dục, thể thao có quy mô lớn, mang ý nghĩa vùng; trung tâm thương mại, dịch vụ cấp vùng; khu du lịch, vui chơi, giải trí, nghỉ dưỡng và các di tích văn hóa - lịch sử có giá trị; phân bố và xác định quy mô các khu vực bảo tồn, khu vực bảo vệ cảnh quan thiên nhiên trong vùng.

g) Định hướng hệ thống hạ tầng kỹ thuật vùng huyện

Xác định mạng lưới, vị trí, quy mô các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật mang tính chất vùng huyện, gồm: chuẩn bị kỹ thuật, giao thông, hệ thống điện, cung cấp năng lượng, cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang và hạ tầng viễn thông thụ động.

h) Đánh giá môi trường chiến lược

- Những vấn đề môi trường có phạm vi tác động lớn;
- Hiện trạng nguồn gây ô nhiễm lớn, các vùng bị suy thoái môi trường, các vùng sinh thái cảnh quan. Xác định các nội dung bảo vệ môi trường ở quy mô cấp vùng;
- Dự báo xu thế các vấn đề môi trường do tác động của việc lập và thực hiện quy hoạch;
- Các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các vấn đề môi trường.

i) Quy định quản lý theo quy hoạch huyện, bao gồm:

- Phạm vi, ranh giới, quy mô dân số, đất đai vùng quản lý.
- Quy định về các vùng phát triển, các không gian phát triển kinh tế.
- Quy định về quản lý hệ thống đô thị và nông thôn.
- Quy định về vị trí, vai trò, chức năng, quy mô các công trình hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật mang tính chất vùng, liên vùng.
- Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn đối với các công trình đầu mối, các công trình hạ tầng kỹ thuật chính theo tuyến mang tính chất vùng, liên vùng và các biện pháp bảo vệ môi trường.
- Quy định về bảo tồn các di sản thiên nhiên, các công trình kiến trúc có giá trị, khu danh lam thắng cảnh, khu di tích lịch sử, văn hóa trong vùng.
- Phân công và quy định trách nhiệm quản lý quy hoạch cho các cấp chính quyền địa phương trong vùng theo đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện.
- Các quy định khác theo chức năng của vùng.

k) Đề xuất các chương trình, dự án ưu tiên

- Các mục tiêu, quan điểm xác định lĩnh vực ưu tiên đầu tư.
- Đẩy mạnh các động lực phát triển đô thị và khu dân cư nông thôn, phát triển các kết cấu hạ tầng để phát triển công nghiệp tăng khả năng thu hút đầu tư:
 - + Phát triển cơ sở hạ tầng xã hội và nhà ở.
 - + Bảo vệ môi trường tự nhiên, hạn chế các tác động xấu của phát triển công nghiệp và dân cư.

+ Bảo vệ và phát huy giá trị các di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh và di sản văn hóa truyền thống trên địa bàn huyện.

- Các chương trình đầu tư:

+ Trên cơ sở của đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện và dự báo khả năng đầu tư của các nhà đầu tư, xác định các chương trình dự án ưu tiên thực hiện trong giai đoạn đầu.

+ Xác định các hạng mục ưu tiên đầu tư với sự ưu tiên các dự án mang ý nghĩa tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, phát triển nông nghiệp công nghệ cao và nông nghiệp sinh thái, phát triển đầu mối hạ tầng kỹ thuật cấp vùng.

+ Xác định các khu vực trọng tâm đầu tư, các công trình trọng điểm cần đầu tư: các khu trung tâm động lực, các hạng mục công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kinh tế ưu tiên đầu tư. Hình thành các chương trình, cụ thể hóa các mục tiêu và các dự án đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật theo thứ tự ưu tiên về giao thông, cao độ nền và thoát nước mặt, cấp nước, cấp điện và chiếu sáng, thông tin liên lạc, thoát nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang.

- Tổng hợp kinh phí đầu tư, nguồn lực thực hiện, đề xuất nguồn lực thực hiện:

+ Trên cơ sở danh mục và lộ trình cho các chương trình phát triển của vùng huyện (*khu vực đô thị, nông thôn, các trung tâm chuyên ngành như du lịch, thương mại, nông lâm nghiệp, bảo tồn cảnh quan thiên nhiên,...*) từ đó xác định nhu cầu kinh phí cho các dự án trọng điểm phát triển toàn khu vực cho các chương trình theo từng giai đoạn phát triển.

+ Khái toán kinh phí đầu tư xây dựng đợt đầu hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung trên địa bàn huyện.

+ Đề xuất nguồn lực thực hiện.

7. Hồ sơ sản phẩm

Thành phần quy cách hồ sơ và nội dung đồ án thực hiện theo Nghị định số 44/2015/NĐ-CP và Thông tư số 04/2022/TT-BXD.

8. Tổ chức thực hiện

- Cấp phê duyệt: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan thẩm định: Sở Xây dựng.

- Cơ quan trình duyệt: Ủy ban nhân dân huyện Kon Plông.

- Đơn vị tư vấn: Lựa chọn theo quy định pháp luật về đấu thầu.

- Thời gian lập quy hoạch không quá 12 tháng sau khi Nhiệm vụ quy hoạch được duyệt.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

a) Ủy ban nhân dân huyện Kon Plông chịu trách nhiệm trước pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh về tính đúng đắn, chính xác, hợp pháp, thống nhất số liệu, tài liệu trình và tổ chức lập, trình thẩm định, phê duyệt Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum đến năm 2045 theo quy định; rà soát, đánh giá, áp dụng những tài liệu, số liệu các quy hoạch được duyệt, đảm bảo tiết kiệm, không lãng phí, thất thoát ngân sách.

b) Sở Xây dựng chịu trách nhiệm trước pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh về nội dung trình, tổ chức thẩm định, trình phê duyệt Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum đến năm 2045 theo quy định.

Điều 3. Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Kon Plông chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/h);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (đ/b);
- VP UBND tỉnh: CVP, các PCVP (đ/b);
- Lưu VT, HTKT.DHL.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Sâm